

50 BÀI TẬP ĐỔI ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI LỚP 2

cm - dm - m - km; đổi đơn vị, so sánh, tính toán và bài toán có lời văn

ToanCap1.com - Toán tiểu học

Ghi nhớ: 1 dm = 10 cm; 1 m = 10 dm = 100 cm; 1 km = 1000 m. Trước khi cộng, trừ hoặc so sánh, nên đổi về cùng một đơn vị.

Phần 1. Đổi đơn vị trực tiếp

Câu 1. Điền số thích hợp: 3 dm = ___ cm.

Đáp số:

Câu 2. Điền số thích hợp: 7 dm = ___ cm.

Đáp số:

Câu 3. Điền số thích hợp: 2 m = ___ dm.

Đáp số:

Câu 4. Điền số thích hợp: 5 m = ___ cm.

Đáp số:

Câu 5. Điền số thích hợp: 4 km = ___ m.

Đáp số:

Câu 6. Điền số thích hợp: 60 cm = ___ dm.

Đáp số:

Câu 7. Điền số thích hợp: 90 cm = ___ dm.

Đáp số:

Câu 8. Điền số thích hợp: 30 dm = ___ m.

Đáp số:

Câu 9. Điền số thích hợp: 400 cm = ___ m.

Đáp số:

Câu 10. Điền số thích hợp: 3000 m = ___ km.

Đáp số:

Câu 11. Điền số thích hợp: 1 m 20 cm = ___ cm.

Đáp số:

Câu 12. Điền số thích hợp: 2 m 5 dm = ___ dm.

Đáp số:

Câu 13. Điền số thích hợp: 3 dm 4 cm = ___ cm.

Đáp số:

Câu 14. Điền số thích hợp: 2 km 300 m = ___ m.

Đáp số:

Câu 15. Điền số thích hợp: 1 m 8 cm = ___ cm.

Đáp số:

Câu 16. Điền số thích hợp: 45 cm = ___ dm ___ cm.

Đáp số:

Câu 17. Điền số thích hợp: 27 dm = ___ m ___ dm.

Đáp số:

Câu 18. Điền số thích hợp: 325 cm = ___ m ___ cm.

Đáp số:

Câu 19. Điền số thích hợp: 1500 m = ___ km ___ m.

Đáp số:

Câu 20. Điền số thích hợp: 68 cm = ___ dm ___ cm.

Đáp số:

Phần 2. So sánh số đo độ dài

Câu 21. Điền dấu >, < hoặc =: 4 dm ___ 35 cm.

Đáp số:

Câu 22. Điền dấu >, < hoặc =: 2 m ___ 19 dm.

Đáp số:

Câu 23. Điền dấu >, < hoặc =: 500 cm ___ 5 m.

Đáp số:

Câu 24. Điền dấu >, < hoặc =: 3 km ___ 2900 m.

Đáp số:

Câu 25. Điền dấu >, < hoặc =: 7 dm 5 cm ___ 80 cm.

Đáp số:

Câu 26. Điền dấu >, < hoặc =: 1 m 20 cm ___ 120 cm.

Đáp số:

Câu 27. Điền dấu >, < hoặc =: 45 cm ___ 5 dm.

Đáp số:

Câu 28. Điền dấu >, < hoặc =: 2 m 8 dm ___ 27 dm.

Đáp số:

Câu 29. Điền dấu >, < hoặc =: 900 m ___ 1 km.

Đáp số:

Câu 30. Điền dấu >, < hoặc =: 6 dm 2 cm ___ 62 cm.

Đáp số:

Phần 3. Cộng trừ số đo độ dài

Câu 31. Tính và điền số: 3 dm + 20 cm = ___ cm.

Đáp số:

Câu 32. Tính và điền số: 1 m - 40 cm = ___ cm.

Đáp số:

Câu 33. Tính và điền số: 2 m + 5 dm = ___ dm.

Đáp số:

Câu 34. Tính và điền số: 80 cm - 3 dm = ___ cm.

Đáp số:

Câu 35. Tính và điền số: 1 km + 500 m = ___ m.

Đáp số:

Câu 36. Tính và điền số: 4 dm + 35 cm = ___ cm.

Đáp số:

Câu 37. Tính và điền số: 2 m - 7 dm = ___ dm.

Đáp số:

Câu 38. Tính và điền số: 150 cm + 50 cm = ___ m.

Đáp số:

Câu 39. Tính và điền số: 3 km - 1000 m = ___ km.

Đáp số:

Câu 40. Tính và điền số: 9 dm - 25 cm = ___ cm.

Đáp số:

Phần 4. Bài toán có lời văn

Câu 41. Một sợi dây dài 2 m. Cắt đi 70 cm. Sợi dây còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Đáp số:

Câu 42. Lan đi bộ 500 m buổi sáng và 600 m buổi chiều. Lan đi tất cả bao nhiêu mét?

Đáp số:

Câu 43. Một đoạn đường dài 1 km. Minh đã đi 300 m. Minh còn phải đi bao nhiêu mét?

Đáp số:

Câu 44. Thước thứ nhất dài 3 dm, thước thứ hai dài 25 cm. Thước nào dài hơn và hơn bao nhiêu xăng-ti-mét?

Đáp số:

Câu 45. Một cuộn ruy băng dài 5 m, đã dùng 2 m. Còn lại bao nhiêu mét?

Đáp số:

Câu 46. Bàn học dài 120 cm. Đổi độ dài đó ra mét và xăng-ti-mét.

Đáp số:

Câu 47. Một con đường dài 2 km 300 m. Viết độ dài đó theo mét.

Đáp số:

Câu 48. Hộp bút dài 2 dm, quyển vở dài 18 cm. Hộp bút dài hơn bao nhiêu xăng-ti-mét?

Đáp số:

Câu 49. Hai đoạn dây dài 45 cm và 5 dm. Tổng độ dài hai đoạn dây là bao nhiêu xăng-ti-mét?

Đáp số:

Câu 50. Một thanh gỗ dài 3 m. Cưa bớt 8 dm. Thanh gỗ còn dài bao nhiêu đề-xi-mét?

Đáp số:

Đáp án

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	30	18	3 m 25 cm	35	1500
2	70	19	1 km 500 m	36	75
3	20	20	6 dm 8 cm	37	13
4	500	21	>	38	2
5	4000	22	>	39	2
6	6	23	=	40	65
7	9	24	>	41	130 cm
8	3	25	<	42	1100 m
9	4	26	=	43	700 m
10	3	27	<	44	Thước 1 hơn 5 cm
11	120	28	>	45	3 m
12	25	29	<	46	1 m 20 cm
13	34	30	=	47	2300 m
14	2300	31	50	48	2 cm
15	108	32	60	49	95 cm
16	4 dm 5 cm	33	25	50	22 dm
17	2 m 7 dm	34	50		